Tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng tháng 6 và 6 tháng năm 2019
(Chi tiết ngành, thành phần)

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2019			Thực hiện 06 tháng năm 2018	So sánh (%)	
	Thực hiện tháng 5/2019	Ước tháng 6/2019	Cộng dồn 06 tháng năm 2019		Tháng này/tháng trước	Cộng dồn/ cùng kỳ
A	1	2	3	4	5=2/1	6=3/4
Tổng số	**2.217.144,0**	**2.429.346,6**	**14.798.915,2**	**13.178.464,8**	**109,6**	**112,30**
I. Phân theo loại hình kinh tế				-		
1. Kinh tế Nhà nước	175.089,5	187.112,3	1.166.939,3	1.154.726,0	106,9	101,06
2. Kinh tế tập thể	1.761,6	1.877,8	11.773,2	10.117,2	106,6	116,37
3. Kinh tế cá thể	998.430,3	1.114.968,6	6.676.802,9	6.171.288,3	111,7	108,19
4. Kinh tế tư nhân	1.024.426,0	1.106.489,8	6.826.972,8	5.728.832,7	108,0	119,17
5. Kinh tế vốn đầu tư nước ngoài	17.436,5	18.898,2	116.427,0	113.500,6	108,4	102,58
II. Phân theo ngành kinh tế				-		
1. Thương nghiệp	1.920.425,0	2.115.178,0	12.980.040,2	11.523.902,2	110,1	112,64
2. Lưu trú và ăn uống	189.403,2	204.043,8	1.184.939,7	1.121.744,5	107,7	105,63
3. Du lịch lữ hành	9.136,8	9.694,2	53.810,3	22.342,0	106,1	240,85
4. Dịch vụ	98.179,0	100.430,6	580.125,0	510.476,1	102,3	113,64